TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20-5-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Kim Sang

2. Ông Nguyễn Quốc Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2019/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm 1981 (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Trương Văn C, sinh năm 1980 (có mặt)

Cùng địa chỉ: đường Đ, khu phố L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Lê Thị P trình bày:

Bà và ông Trương Văn C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm do ông C không

chăm lo cho gia đình, thường xuyên cờ bạc, đôi bên thường xuyên cự cãi dẫn đến tình cảm rạn nứt. Ông, bà đã ly thân từ khoảng tháng 02/2019 đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống ông, bà có 02 người con chung tên Lê Văn V, sinh ngày 14/12/2001 và Lê Thị Như Y, sinh ngày 29/10/2006. Từ khi ly thân thì hai cháu do bà trực tiếp chăm sóc.

Về tài sản chung: Bà P xác nhận bà và ông C tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Bà P xác nhận không có.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân: bà yêu cầu được ly hôn với ông C; về con chung: bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Trương Văn C trình bày:

Ông xác định lời trình bày của bà P về việc ông, bà chung sống như vợ chồng không đăng ký kết hôn, về con chung là đúng. Quá trình chung sống ông, bà thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm do ông thường xuyên đi làm xa, không có thời gian chăm lo cho vợ con, từ đó tình cảm ngày càng phai nhạt. Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P, thống nhất giao hai người con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông C xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông C xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, hai cháu Lê Văn V và Lê Thị Như Y thống nhất trình bày: Cha mẹ của hai cháu là Trương Văn C và Lê Thị P, hiện tại hai cháu đang được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng; trường hợp cha mẹ ly hôn thì hai cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bà Lê Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trương Văn C, yêu cầu được tiếp tục nuôi các con chung, đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trương Văn C là bị đơn cư trú tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông C thống nhất khai nhận ông, bà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy ông, bà có đủ điều kiện kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn, áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình thì ông C và bà P không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Căn cứ Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình, quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con trong trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn được giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con.

Bà P và ông C có 02 người con chung tên Lê Văn V, sinh ngày 14/12/2001 và Lê Thị Như Y, sinh ngày 29/10/2006. Bà P xác định có đủ điều kiện chăm sóc tốt về mọi mặt cho các con nên yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông C cấp dưỡng và ông C cũng thống nhất. Ngoài ra, cháu V và cháu Y đều có nguyện vọng được sống cùng với bà P. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu V và cháu Y cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà P cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở ông C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp ông C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông C.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà P và ông C không có yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Bà P phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003896 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá (Do Lê Văn V nộp thay).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị P và ông Trương Văn C là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao hai cháu Lê Văn V, sinh ngày 14/12/2001 và Lê Thị Như Y, sinh ngày 29/10/2006 cho bà Lê Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Bà P không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

Bà P cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở ông C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp ông C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông C.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Bà Lê Thị P phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003896 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá (Do Lê Văn V nộp thay), bà P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Báo quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Hồng Thắm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tp Rạch Giá;
- THADS tp Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM	**HỘI THẨM**	**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

……. **……..** **Hoàng Hồng Thắm**